TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 70/2018/DS - ST
Ngày: 26 - 9 - 2018.
V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự góp hụi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Việt Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vi Quốc Thanh.

Bà Nguyễn Thị Kim Oanh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Ngày 26 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 92/2018/TLST - DS, ngày 03/5/2018 về tranh chấp về hợp đồng dân sự góp hụi, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2018/QĐXXST - DS, ngày 27/8/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phan Văn H, sinh năm 1963 (có mặt).

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh Q, sinh năm 1971 (vắng mặt không lý do).

Bà Trần Thị V, sinh năm 1975 (vắng mặt không lý do).

Cùng nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24/4/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Phan Văn H trình bày: Ông có làm chủ hụi nhiều dây hụi mỗi tháng khui một lần có vợ chồng ông Nguyễn Thanh Q và bà Trần Thị V tham gia chơi hụi, cụ thể:

Dây hụi mệnh giá 1.000.000 đồng khui ngày 01/7/2015 gồm 16 phần, ông Q và bà V tham gia chơi 01 phần, đóng hụi sống được 02 lần thì hốt hụi, sau khi hốt hụi đóng hụi chết được 11 lần thì không đóng nữa, sau khi mãn hụi còn nợ ông tiền hụi chết là 2.000.000 đồng.

Dây hụi mệnh giá 1.000.000 đồng khui ngày 01/7/2015 gồm 24 phần, ông Q và bà V tham gia chơi 01 phần, đóng hụi sống được 04 lần thì hốt hụi, sau khi hốt hụi đóng hụi chết được 10 lần thì không đóng nữa, sau khi mãn hụi còn nợ ông tiền hụi chết là 9.000.000 đồng.

Dây hụi mệnh giá 1.000.000 đồng khui ngày 15/10/2015 gồm 24 phần, ông Q và bà V tham gia chơi 01 phần, đóng hụi sống được 01 lần thì hốt hụi, sau khi hốt hụi đóng hụi chết được 09 lần thì không đóng nữa, sau khi mãn hụi còn nợ ông tiền hụi chết là 13.000.000 đồng.

Dây hụi mệnh giá 1.000.000 đồng khui ngày 06/01/2016 gồm 26 phần, ông Q và bà V tham gia chơi 02 phần, phần thứ nhất đóng hụi sống được 02 lần thì hốt hụi, sau khi hốt hụi đóng hụi chết được 05 lần thì không đóng nữa, sau khi mãn hụi còn nợ ông tiền hụi chết là 18.000.000 đồng, phần thứ hai đóng sống được 06 lần thì hốt hụi, sau khi hốt hụi đóng hụi chết được 01 lần thì không đóng nữa, sau khi mãn hụi còn nợ ông tiền hụi chết là 18.000.000 đồng.

Sau đó thì ông Q, bà V có trả cho ông H số tiền 3.000.000 đồng, còn nợ 57.000.000 đồng thì không trả nữa. Nay ông H yêu cầu ông Q và bà V phải liên đới hoàn trả cho ống số tiền hụi chết còn nợ của 04 dây hụi là 57.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh Q, bà Trần Thị V vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Văn H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn ông Nguyễn Thanh Q, bà Trần Thị V đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Thanh Q, bà Trần Thị V.

[2] Căn cứ vào lời khai của đương sự, các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định: Do quan biết nhau nên trong năm 2015, 2016 giữa ông Phan Văn H và ông Nguyễn Thanh Q, bà Trần Thị V có thiết lập nhiều giao dịch về hụi, theo như lời khai của ông H thì ông Q và bà V tham gia chơi 04 dây hụi do ông H làm chủ hụi, sau khi hốt hụi ông Q và bà V không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đóng hụi chết nên ông H khởi kiện yêu cầu ông Q và bà V phải hoàn trả số tiền hụi chết còn nợ là 57.000.000 đồng, chứng cứ mà ông H cung cấp là "Giấy nhận nợ" ngày 15/9/2017 có chữ ký của bà V, nội dung thể hiện có nợ tiền hụi của ông H là 57.000.000 đồng. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho ông Q và bà V Thông báo về việc thụ lý vụ án, các tài liệu, chứng cứ do ông H cung cấp và Thông báo giao nộp chứng cứ để ông Q và bà V chứng minh không có nợ tiền hụi của ông Hùng, giấy nhận nợ mà ông H cung cấp không phải do bà V ký và việc ông Q và bà V không có trách nhiệm phải liên đới cùng nhau trả nợ cho ông H, tuy nhiên ông Q và bà V không có ý kiến phản bác hay yêu cầu gì đối với yêu cầu khởi kiện của ông H và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào cho

Tòa án. Điều đó đã thể hiện ông Q và bà V có tham gia chơi hụi do ông H làm chủ hụi và có nợ tiền hụi chết của ông H như nội dung "Giấy nhận nợ" ngày 15/9/2017 và lời khai của ông H tại phiên tòa. Do ông Q và bà V tham gia chơi hụi nhưng không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đóng hụi chết của hụi viên sau khi hốt hụi làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông H nên căn cứ vào Điều 288, 471 Bộ luật dân sự, Điều 25, 30 Nghị định số: 144/2006/NĐ - CP, ngày 27/11/2006 của Chính phủ, Hội đồng xét xử buộc ông Q và bà V phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho ông H số tiền hụi còn nợ 57.000.000 đồng là phù hợp.

[3] Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc ông Q và bà V phải liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% đối với số tiền phải hoàn trả cho ông H là 57.000.000 đồng x 5% = 2.850.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 288, 471 Bộ luật dân sự; Điều 25, 30 Nghị định số: 144/2006/NĐ - CP, ngày 27/11/2006 của Chính phủ; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn H.

Buộc ông Nguyễn Thanh Q, bà Trần Thị V phải liên đới hoàn trả cho ông Phan Văn H số tiền hụi là 57.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[2] Về nghĩa vụ nộp án phí:

Buộc ông Nguyễn Thanh Q, bà Trần Thị V phải liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.850.000 đồng

Hoàn trả cho ông Phan Văn H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.425.000 đồng theo biên lai thu số 000xxxx, ngày 03/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

[3] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[4] Về việc thi hành bản án khi có hiệu lực pháp luật:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV và THA) (1b);
- VKSND huyện M (2b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- Các đương sự (3b);
- Lưu: HS, VT (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Việt Thiện